

Bản án số: 123/2026/HS-ST
Ngày: 19 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Thẩm phán: Bà Đinh Thị Kiều Lương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đây
Bà Nguyễn Thị Kim Hương
Bà Hồ Thị Sự
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Lâm Đông Đông - Thư ký viên
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Kim Hùng- Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 125/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2026 đối với:

- **Bị cáo:**

Họ và tên: Dương Cẩm B, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam. Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1987 tại Thành phố Đồng Nai. Căn cước công dân số 070087009XXX, cấp ngày 16/3/2022. Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn F, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai). Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên (đã bị khai trừ khỏi Đảng ngày 31/12/2025); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Dương Cường Q, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966. Bị cáo có 01 người em Dương Bình P, sinh năm 1989. Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố Đồng Nai (bị cáo có mặt).

Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo: Ông Hoàng Quốc T1, sinh năm 1995; Luật sư Văn phòng L - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Đồng Nai; địa chỉ: G Quốc lộ A, Khu phố T, phường B, Thành phố Đồng Nai – xin vắng mặt.

- *Bị hại:* Ông Đỗ Văn T2, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn F, xã Đ, Thành phố Đồng Nai – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn F, xã Đ, Thành phố Đồng Nai – có mặt.

2. Ông Dương Cường Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn F, xã Đ, Thành phố Đồng Nai – có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Điều Ngọc T3, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn I, xã Đ, Thành phố Đồng Nai - vắng mặt.

2. Bà Điều Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn I, xã Đ, Thành phố Đồng Nai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Năm 2011, Dương Cẩm B kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993 và sinh sống với nhau tại Thôn F, xã Đ, tỉnh Đồng Nai. Năm 2023, B phát hiện điện thoại di động của chị H có nội dung nhắn tin với anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1989, cùng nơi cư trú tại Thôn F, xã Đ. B nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với anh T2 nên B tìm đến nhà anh T2 rồi xô xát đánh nhau thì được mọi người can ngăn, hòa giải và B xin lỗi anh T2. Sau đó, B và chị H sống ly thân với nhau, chị H chuyển về sinh sống với mẹ tại Thôn A, xã Đ. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/4/2025, B đang sửa xe mô tô trước hiên nhà thì nhìn thấy anh T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DH màu đỏ, không gắn biển số đi ngang qua. Lúc này, B bức xúc và nghi ngờ về việc trước đây anh T2 đã nhắn tin điện thoại dẫn đến việc vợ, chồng B ly thân. B cầm 01 tua vít (B khai loại 01 tua vít bằng kim loại, hình chữ “T”, thân tua vít dài khoảng 15cm, đầu có 4 cạnh hàn cố định với tiếp kim loại mở bugi, hình ống tròn, 01 đầu có ghi số 17 và 01 đầu ghi số 19) kẹp vào gác ba ga giữa của xe mô tô loại Cúp 81, biển số XXP1-60XX rồi điều khiển xe mô tô đuổi theo anh T2. Khi đuổi kịp, B điều khiển xe mô tô vượt lên trước chặn đầu xe mô tô của anh T2. B dựng chân chống xe, bước xuống, tay phải cầm lấy tua vít, cùng lúc này anh T2 cũng dừng xe và bước xuống xe, đầu anh T2 đang đội mũ bảo hiểm màu xanh trắng, trên mũ có chữ “Vinaphone”. B

và anh T2 lao vào đánh nhau, B cầm tua vít đâm nhiều nhát vào vùng đầu anh T2, trong đó có 01 nhát trượt vào cổ bên trái, 01 nhát trúng vào thái dương bên trái và 01 nhát trúng vào mắt bên trái của anh T2 và anh T2 dùng tay nắm 2 - 3 cái vào mặt của B nhưng không gây thương tích. Sau khi đánh nhau, B điều khiển xe mô tô về nhà, trên đường về nhà B làm rơi tua vít đã sử dụng đánh anh T2 (quá trình điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được), còn anh T2 được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị thương tích tại Bệnh viện C, Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 14/4/2025 xuất viện.

Kết luận giám định số: 165/KLTTCT-TTPY ngày 30/5/2025 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh B đối với Đỗ Văn T4:

Các kết quả chính: (1) Chấn thương sọ não: Khuyết lún xương thái dương đường kính khoảng 0,8 cm. Tổn thương nhu mô não thùy thái dương trái đường kính khoảng 0,8 cm. (2) Sẹo thái dương bên trái kích thước (1,5 x 0,6)cm. (3) Sẹo ngang cổ bên trái kích thước (1,5 x 0,3)cm. (4) Sẹo mi trên mắt trái kích thước (0,6 x 0,2)cm.

- Thị lực: Mắt phải: ST(+/-); Mắt trái: 10/10. Mắt phải: Tổn thương thị thần kinh sau chấn thương.

Kết luận:

+ Tổn thương số (1), (2) có đặc điểm của tổn thương do vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh nhỏ (đường kính < 1cm) tác động xuyên thấu từ trái qua phải.

+ Tổn thương số (3), (4) có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc hoặc vật tày có cạnh tác động theo hướng từ trước ra sau.

Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/09/2019 của Bộ Y xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Văn T2 là **63%**.

Kết luận giám định số: 0831.02/KLGĐCC-TTPYĐN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận: “Tình trạng thương tích của ông Đỗ Văn T2 thuộc trường hợp cấp cứu có trì hoãn vì vậy nếu không được cấp cứu kịp thời có thể không dẫn đến tử vong.

Các tổn thương của ông Đỗ Văn T2 để lại di chứng: Khuyết lún xương thái dương đường kính khoảng 0,8 cm. Tổn thương nhu mô não thùy thái dương trái đường kính khoảng 0,8 cm. Mắt phải giảm thị lực (sáng tối +/-)”.

Quá trình điều tra, bị cáo Dương Cẩm B thành khẩn khai báo.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Bị hại Đỗ Văn T2 giao nộp 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng đã cũ, trên mũ có chữ Vinaphone.

Bị cáo Dương Cẩm B giao nộp 01 xe mô tô biển số XXP1- 60XX. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chủ sở hữu là ông Dương Cường Q.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đỗ Văn T2 yêu cầu bị cáo Dương Cẩm B bồi thường chi phí điều trị thương tích số tiền 300.000.000 đồng. Bị cáo Dương Cẩm B chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 95/CT-VKS-P2 ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai truy tố bị cáo Dương Cẩm B về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015.

2. Trình bày của các bị cáo, bị hại tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường với tổng số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng gồm các khoản chi phí điều trị thương tích, tiền xe đi lại, tiền chữa mắt và tiền bù đắp về tổn thất tinh thần.

Bị cáo Dương Cẩm B đồng ý bồi thường với tổng số tiền theo yêu cầu của người bị hại.

3. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai giữ nguyên bản Cáo trạng số 95/CT-VKS-P2 ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai đã truy tố đối với bị cáo.

3.1. Về trách nhiệm hình sự:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Cẩm B phạm tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Về áp dụng pháp luật:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 15, 38, 50 và Điều 57 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Dương Cẩm B mức án tù 09 năm đến 10 năm tù.

3.2. Về trách nhiệm dân sự:

Do tại phiên tòa giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất được với nhau về số tiền bị hại yêu cầu bồi thường là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Do bị cáo đã tác động gia đình nộp vào tài khoản của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng, cha bị cáo là ông D Cường Quốc không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã nộp nên cần buộc bị cáo tiếp

tục có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

3.3. Về xử lý vật chứng vụ án và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Quan điểm của người bào chữa:

Thông nhất với tội danh, điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, con còn nhỏ và đã tác động gia đình nộp bồi thường để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

5. Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Thành phố Đồng Nai) trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người có thẩm quyền và cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Dương Cẩm B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại và lời khai người làm chứng về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm, vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về thương tích, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 07/4/2025, Dương Cẩm B đang sửa xe mô tô trước nhà tại Thôn F, xã Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) nhìn

thấy anh Đỗ Văn T2 điều khiển xe mô tô đi ngang qua. Do B nghi ngờ anh T2 có quan hệ tình cảm với vợ của B là chị Nguyễn Thị Thu H nên B cầm 01 tua vít bằng kim loại, hình chữ “T” rồi điều khiển xe mô tô đuổi theo anh T2 để đánh nhau. Khi đuổi kịp anh T2, B cầm tua vít đâm 01 nhát trượt vào cổ bên trái, 01 nhát trúng vào thái dương bên trái và 01 nhát trúng vào mắt bên trái của anh T2. Kết luận giám định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Văn T2 là 63%. Việc bị cáo cầm tua vít (hung khí nguy hiểm) đâm nhiều nhát vào vùng thái dương (là vùng trọng yếu trên cơ thể) của bị hại có thể nguy hiểm đến tính mạng của các bị hại. Do đó, hành vi của bị cáo B đã cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Cáo trạng số 95/CT-VKS-P2 ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Hành vi của bị cáo thực hiện thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 57 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[3] Hành vi của bị cáo thực hiện là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người là khách thể được Bộ luật hình sự ưu tiên bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự địa phương, gây tổn hại đến sức khỏe của người bị hại. Mặc dù, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nhưng bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi giết người nên cần phải có mức hình phạt tương xứng nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Căn cứ quyết định hình phạt:

Nguyên nhân phát sinh dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi theo Cáo trạng truy tố có một phần lỗi của bị hại, vì đã nhấn tin qua lại với vợ của bị cáo, bản thân bị hại T2 và chị H (vợ bị cáo B) đều đã có vợ, có chồng. Tại phiên tòa, chị H và bị hại thừa nhận có tình cảm riêng tư và có việc nhấn tin qua lại với nhau, việc nhấn trên đã làm cho bị cáo nghi ngờ lòng chung thủy của vợ và tình cảm vợ chồng gặp nhiều mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị hại Đỗ Văn T2 yêu cầu bị cáo Dương Cẩm B phải bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền là

300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng gồm các khoản chi phí điều trị, tiền xe đi lại, tiền chữa mắt và tiền bù đắp về tổn thất tinh thần.

Tại phiên tòa bị cáo B đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền nói trên. Xét thấy, đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự, các Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại đối với số tiền bồi thường thiệt hại liên quan đến chi phí điều trị thương tích. Do cha của bị cáo ông Dương Cường Q đã nộp số tiền khắc phục tại Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai theo biên lai thu tiền số 0003237 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền **230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu)** đồng.

[6] Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy các công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và các vật, tài sản không còn giá trị sử dụng 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng đã cũ, trên mũ có chữ Vinaphone.

Bị cáo Dương Cẩm B giao nộp 01 xe mô tô biển số XXP1-60XX. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chủ sở hữu là ông D Cường Quốc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc bị cáo Dương Cẩm B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo B được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Dương Cẩm B phạm tội “Giết người”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 38; Điều 50 và Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Dương Cẩm B **09 (chín) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Dương Cẩm B và bị hại Đỗ Văn T2. Buộc bị cáo Dương Cẩm B có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu) đồng. Do ông Dương Cường Q (cha của bị cáo) đã nộp số tiền **70.000.000** (Bảy mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0003237 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai.

Tiếp tục tạm giữ số tiền **70.000.000** (Bảy mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0003237 ngày 08/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai để đảm bảo cho việc thi hành án.

Buộc bị cáo Dương Cẩm B có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho bị hại số tiền **230.000.000** (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 mũ bảo hiểm màu xanh trắng đã cũ, trên mũ có chữ Vinaphone.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/6/2026 giữa Cơ quan điều tra – Công an Thành phố Đồng Nai và Thi hành án dân sự Thành phố Đồng Nai).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo Dương Cẩm B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Trại tạm giam số 2 Công an TP Đồng Nai;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an TP Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP Đồng Nai (PC01);
- Thi hành án Dân sự TP Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ Công an TP Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng, Tòa Hình sự, Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nga